Nmark

Hệ thống in và dán nhãn V430T-Z54/Z56

Bản tiếng Việt (dịch từ bản tiếng Anh)

Hệ thống in và dán nhãn Zebra — bảng thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật

Thông số	Giá trị
Mẫu máy	V430T-Z54/Z56
Độ phân giải	300 dpi
Chiều rộng in	Tối đa 168 mm
Chiều cao in	10–60 mm
Đường kính cuộn tối đa	200 mm
Chiều rộng vật liệu	25–180 mm
Hiệu suất dán nhãn	Khí nén
Phương thức dán nhãn	Dán nhãn bằng tem (kiểu đập)
Hướng dán nhãn	Trên / bên hông
Nhiệt độ hoạt động	5 °C – 40 °C
Nhiệt độ bảo quản	−20 °C – 60 °C
Độ ẩm hoạt động	25% – 85% RH (không ngưng tụ)
Tín hiệu ngoài	Đầu vào 1: bắt đầu in; Đầu vào 2: bắt đầu dán nhãn; Đầu ra 1: in xong; Đầu ra 2: dán nhãn xong
Đường kính lõi rulo mực	25.6 mm
Chiều dài tối đa rulo mực	

Không dưới 300 m

Chiều rộng rulo mực

25–180 mm

Phông chữ

NMARK0, NMARK1, NMARK2, NMARK3, NMARK4, NMARK5, SimSun, SimHei, Times Roman, Arial, Letter Gothic, OCR-A/B, Courier, Prestige Elite

CPU

CPU lõi kép 32 bit

Chiều dài in

300 mm

Kích thước

820 mm (D) × 670 mm (R) × 1600 mm (C) (kích thước máy thực tế có thể thay đổi)

Trọng lượng

100 kg

Ngôn ngữ lập trình

NPL, tương thích với TPCL/TSPL

Bộ nhớ

RAM: 16 MB FLASH: 16 MB

Đầu in

Kiểu ép phẳng

Chế độ in

In nhiệt trực tiếp / In chuyển nhiệt

Giao diện

Cổng nối tiếp RS232 / Cổng song song / USB 2.0 / cổng mạng

Loại mã 2D

QR code, DataMatrix, PDF417, Maxicode, MicroPDF417

Loại mã vạch

Code 39, Code 39 Ext, Code 128, ITF25, Code 25, Matrix 25, EAN-8/13, UPC A/E, Codabar, Code 93, Code One, Code 49, Code 16K

Phụ kiện

Cáp USB, bộ chuyển đổi nguồn DC, hướng dẫn sử dụng

Bố cục (tham khảo)

• Tấm hút (tấm nhận nhãn).

• 740 mm; 29 mm; 1475 mm; 695 mm; 780 mm.

• Khoảng cách dán nhãn hiệu dụng 430 mm.

• Khoảng điều chỉnh ngang 90 mm.

• Phạm vi điều chỉnh độ cao mép trên nhãn so với mặt đất: 780–1140 mm.

• Hành trình điều chỉnh 400 mm.